

NHỮNG BIẾN ĐỔI VỀ CẤU TRÚC “ĐIỂN MẪU” CỦA HÌNH TƯỢNG NGUYỄN HUỆ TRONG VĂN XUÔI VIỆT NAM SAU 1986

Trần Thị Nhật ⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Sài Gòn

Ngày nhận bài: 09/01/2026; Chấp nhận đăng: 28/02/2026

Email tác giả: ttnhat@sgu.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết tập trung làm rõ những biến đổi trong cấu trúc điển mẫu của hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ dưới tác động của quá trình đổi mới tư duy nghệ thuật. Từ việc khảo sát các phương thức kiến tạo hình tượng trên các bình diện ngoại hình, hành động, ứng xử và đối thoại, bài viết chỉ ra rằng, nhiều tác phẩm đã không còn tuyệt đối hóa các dấu hiệu điển mẫu truyền thống mà từng bước tái cấu trúc hình tượng nhân vật bằng việc bổ sung các yếu tố đời thường, cảm xúc cá nhân và những giá trị nhân bản. Quá trình biến đổi này không phá vỡ nền tảng điển mẫu vốn có mà làm cho cấu trúc của nó trở nên linh hoạt, có tính “mở” và giàu khả năng đối thoại hơn. Qua đó, nhân vật Nguyễn Huệ vừa tiếp tục được khẳng định như một biểu tượng anh hùng lịch sử, vừa hiện lên như một hình tượng nghệ thuật đa diện, phản ánh sự chuyển dịch quan niệm về con người trong văn học Việt Nam sau 1986.

Từ khóa: anh hùng, điển mẫu; hình tượng, Nguyễn Huệ.

Abstract

CHANGES IN THE PROTOTYPICAL STRUCTURE OF THE IMAGE OF NGUYỄN HUỆ IN VIETNAMESE PROSE AFTER 1986

This article clarifies the transformations in the prototypical structure of the heroic image of Nguyễn Huệ under the impact of innovations in artistic thinking. By examining representational strategies across the dimensions of appearance, action, conduct, and dialogue, the study argues that many works no longer absolutize traditional prototypical markers; instead, they progressively reconstruct the character by incorporating everyday elements, personal emotions, and humanistic values. This process of transformation does not dismantle the existing prototypical foundation but renders its structure more flexible, “open,” and dialogically dynamic. Accordingly, Nguyễn Huệ continues to be affirmed as a symbol of the historical hero while also emerging as a multidimensional artistic figure that reflects shifting conceptions of the human subject in Vietnamese literature after 1986.

1. Giới thiệu

Sau năm 1986, văn xuôi lịch sử Việt Nam có những biến chuyển đáng kể trong quan niệm tiếp cận nhân vật lịch sử. Bên cạnh việc tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của các nhân vật tiêu biểu, nhiều nhà văn đã hướng tới việc khám phá họ trong tính toàn diện và phức hợp của đời sống, qua đó mở rộng khả năng phản ánh hiện thực cũng như gia tăng chiều sâu nhân bản của hình tượng nghệ thuật. Trong tiến trình ấy, Nguyễn Huệ là một trong những hình tượng xuất hiện với tần suất cao và sức hấp dẫn đặc biệt. Với tư

cách là anh hùng dân tộc gắn liền với những chiến công hiển hách và lý tưởng chấn hưng đất nước, Nguyễn Huệ từ lâu đã giữ vị trí nổi bật trong tâm thức người Việt.

Từ nguyên lý điển mẫu cho thấy, trong văn xuôi hiện đại, hình tượng Nguyễn Huệ không ngừng được bồi đắp và làm mới thông qua nhiều phương thức nghệ thuật khác nhau. Điều đó đặt ra một vấn đề có ý nghĩa lý luận: bằng cách nào văn xuôi lịch sử đương đại vừa bảo lưu được giá trị biểu tượng – điển mẫu của hình tượng anh hùng, vừa tạo ra những biến hóa mới mẻ, phù hợp với cảm quan thẩm mỹ của người đọc hiện đại.

Ở bình diện lý thuyết, khái niệm điển mẫu (prototype), có nguồn gốc từ nghiên cứu tri nhận, cung cấp một công cụ tiếp cận hữu hiệu đối với việc kiến tạo và tiếp nhận hình tượng nhân vật văn học. Điển mẫu không chỉ là tập hợp những thuộc tính tiêu biểu của một phạm trù mà còn phản ánh cách thức con người tri nhận, phân loại và ghi nhớ thế giới. Khi được vận dụng vào nghiên cứu văn học, lý thuyết này giúp lý giải khả năng đạt tới trạng thái ổn định tương đối của các hình tượng nhân vật lịch sử trong tâm thức cộng đồng, đồng thời làm sáng tỏ mối quan hệ giữa tính khuôn mẫu, tính biểu tượng và năng lực sáng tạo cá nhân của nhà văn. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung khảo sát những biến đổi trong cấu trúc điển mẫu của hình tượng Nguyễn Huệ trong văn xuôi lịch sử Việt Nam sau năm 1986, xét trên các phương diện ngoại hình, hành động, ứng xử và đối thoại.

2. Cơ sở lý luận

Lý thuyết điển mẫu khởi nguồn từ những nghiên cứu Wittgenstein và sau đó tiếp tục được các nhà nghiên cứu khác như Berlin an Kay, Rosh... bổ cứu. Điển mẫu là khái niệm gắn với phạm trù tri nhận và quá trình phạm trù hóa. Theo E. Rosch, tư duy của con người trong phân loại sự vật hiện tượng chủ yếu dựa trên sự tương tự. Trong “danh sách” các đối tượng sẽ có những đối tượng tiêu biểu hơn, trở thành căn cứ để tập hợp các đối tượng khác. Tương tự, khi nhắc tới một phạm trù, con người cũng hướng tới điển dạng trước nhất, chứ không quan tâm tới toàn bộ “danh sách” hay các thuộc tính chung của loạt đối tượng cùng chủng loại. Điển mẫu chỉ được xác lập cùng với quá trình phạm trù hóa, có số lượng thuộc tính chung lớn nhất và là một sản phẩm của sự phân loại mang tính tâm lý và nhận thức chứ không phải quy ước xã hội. Ví dụ, trong toán học, ta có tập hợp các phần tử đồng dạng: $A_1, A_2, A_3, A_4 \dots A_n$, phân biệt với nhau bởi các thuộc tính chung và riêng như sau: $A_1 (x_1, x_2, x_3, x_4, x_5, x_6 \dots x_n, y_1 \dots)$; $A_2 (x_1, x_2, x_3, x_4, x_5, x_6 \dots x_n, y_2 \dots)$; $A_3 (x_1, x_2, x_3, x_4, x_5, x_6 \dots x_n, y_3 \dots)$; $A_4 (x_1, x_2, x_3, x_4, x_5, x_6, x_7 \dots x_n, y_4 \dots)$... Phân xuất các thuộc tính chung và riêng của các phần tử trong tập hợp, ta xác định được điển mẫu A có cấu trúc như sau: $A (x_1, x_2, x_3, x_4, x_5, x_6, x_7 \dots x_n)$. Điển mẫu là một khái niệm biểu thị kết quả của quá trình phân xuất các thuộc tính của từng lớp đối tượng tương đồng trong nhận thức của con người đối với thế giới khách quan. Nó được hình thành trong một tiến trình văn hóa dân tộc lâu dài và dần đạt đến trạng thái ổn định tương đối. Điển mẫu không trùng với bất kỳ một thực thể nào của tập hợp được phản ánh và phân xuất. Điển dạng mới là dạng thức tiệm cận với tiêu chuẩn của điển mẫu. Trong hình thức biểu diễn giản lược nêu trên, chúng ta có thể xem các tổ hợp $A_4 (x_1, x_2, x_3, x_4, x_5, x_6, x_7 \dots x_n, y_4 \dots)$ là một điển dạng của điển mẫu A $(x_1, x_2, x_3, x_4, x_5, x_6, x_7 \dots x_n)$. Điển mẫu là kết quả của quá trình phạm trù hóa, có tính ổn định tương đối. Ở mỗi giai đoạn lịch sử, con người tiếp cận và lý giải đời sống thông qua những hệ giá trị khác nhau. Khi hệ giá trị trung tâm của xã hội biến đổi, các quan niệm về chân - thiện - mỹ cũng đồng thời dịch chuyển để tái xác lập những bộ chuẩn mực mới. Chính sự vận động ấy đã làm cho điển mẫu không ngừng biến đổi, thích ứng và được tái cấu trúc, vừa kế thừa những hạt nhân

ổn định, vừa mở ra những khả năng biểu đạt mới phù hợp với tinh thần của đời sống hiện sinh.

Sáng tạo nhân vật văn chương theo nguyên lý điển mẫu đang trở thành một xu hướng, nó phản ánh sự phát triển và tính chuyên nghiệp hóa của ngành nghệ thuật này. Tính chất điển mẫu về người anh hùng trong văn chương Việt suốt mấy thế kỉ là “bộ giá trị” mang tính biểu tượng của trí tuệ trác tuyệt, nhân cách cao thượng và dũng khí hơn người. Sau đổi mới, người anh hùng thống nhất chặt chẽ với con người đời thường. Đó là một Nguyễn Trãi tài năng và đầy tâm sự trong *Vạn xuân* (Yveline Féray); một Hồ Chí Minh vĩ đại và giản dị, gần gũi yêu thương trong *Búp sen xanh, Bông sen vàng* (Sơn Tùng) và *Gió bụi đầy trời* (Thiên Sơn)... Những sáng tác ấy về các hình tượng nhân vật lịch sử đã từng bước hình thành một điển mẫu mới nhờ bổ sung vào điển mẫu cũ những thuộc tính phù hợp với thế giới quan của con người hiện đại vào trong đời sống văn chương nghệ thuật.

3. Kết quả và thảo luận

Trải qua hàng nghìn năm tồn tại của chế độ phong kiến, hệ giá trị đạo đức của người quân tử được xác lập và đề cao qua các phẩm chất “nhân”, “lễ”, “nghĩa”, “trí”, “tín”. Trong bối cảnh lịch sử lâu dài của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hình ảnh người quân tử dần được đồng nhất với hình tượng người anh hùng, tập trung chủ yếu vào các phẩm chất cốt lõi như “nhân”, “trí”, “dũng”. Tuy nhiên, nội hàm của những phẩm chất này không bất biến mà luôn vận động cùng những chuyển biến của đời sống xã hội. Các quá trình tiếp biến văn hóa cùng sự thay đổi trong quan niệm về con người đã góp phần mở rộng và tái định nghĩa hình ảnh người anh hùng dân tộc trong văn học nghệ thuật. Đối với nhân vật Nguyễn Huệ, những thay đổi về cấu trúc hình tượng được thể hiện khá rõ trên hai phương diện cơ bản: ngoại hình và tính cách.

3.1. Những biến đổi về cấu trúc điển mẫu của hình tượng Nguyễn Huệ qua tiêu điểm ngoại hình

Trong văn chương truyền thống, ngoại hình là tiêu điểm thường được lựa chọn để khắc họa nhân vật. Văn xuôi viết về đề tài lịch sử vẫn tiếp thu và duy trì mô thức cũ của truyện dân gian về hình tượng người anh hùng. Đầu tiên là thân hình cao lớn vạm vỡ, cơ bắp rắn chắc như đá... Đây là những phẩm chất hình thành trong đời sống thực tế qua hàng ngàn năm lịch sử khi con người săn bắn, hái lượm, chế ngự thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm để tồn tại. Vì vậy, những phẩm chất trên là tiêu chuẩn ngoại hình điển mẫu truyền thống của một người anh hùng, thủ lĩnh. Bên cạnh sức mạnh cơ bắp và trí tuệ là uy dũng. Người làm tướng phải có cái uy để “tiền hô hậu ủng”, “quân lệnh như sơn”. Phẩm chất này được thể hiện qua giọng nói như chuông, dáng ngồi như hổ,...

Điển mẫu về người anh hùng hiện đại còn được bổ sung với những nét dị tướng trên cơ sở các đặc điểm chung đã có từ xưa. Khi xã hội phát triển, người cầm quân cần nhất sự thông minh và chí khí hơn người để lôi kéo được số đông theo mình vượt qua trùng trùng gian khổ. Vì vậy, phẩm chất trí tuệ, nhân cách càng ngày càng được coi trọng. Từ tiêu điểm trực quan, những biểu hiện bên ngoài của một vị anh hùng như mặt vuông, trán cao, miệng rộng, mắt sáng, mày phượng... trở thành dấu hiệu về sự tài trí, nghị lực, ý chí và đạo nghĩa hơn người. Trong các tác phẩm đậm chất sử thi như *Tây Sơn bi hùng truyện* hay *Nhất thống sơn hà, Hoàng đế Quang Trung*,... ngoại hình Nguyễn Huệ được gắn với những tham tố mang nhiều tính ám gợi: ánh mắt sắc như guom, tiếng nói như

chuông, dáng đi dũng mãnh. Đây không chỉ là những chi tiết giàu chất tạo hình nổi bật mà còn là dấu hiệu của quyền uy và sức mạnh có thể vượt lên những mẫu người anh hùng khác đủ sức thống lĩnh ba quân và dẹp yên nội loạn. Trong *Tây Sơn bi hùng truyện*, Lê Đình Danh khắc họa dung mạo Nguyễn Huệ trên nền tảng một điển mẫu truyền thống với những phẩm chất đặc biệt được bổ sung để “định hình” tính cách của con người này: “Huệ tuy còn niên thiếu mà lưng hùm vai gấu, mặt vuông tai lớn, mắt sắc như gươm, ánh nhìn như chớp” (Lê Đình Danh, 2010). Tuy không hoàn toàn tách khỏi khuôn thước cũ mang màu sắc ước lệ “vai năm tấc rộng thân mười thước cao” nhưng “lưng hùm vai gấu” là nét tướng có phần hơi thô “hợp” với tâm thức người đọc về một người anh hùng áo vải. Cho đến khi Nguyễn Huệ bước vào thời kỳ đỉnh cao của sự nghiệp, những phẩm chất ấy càng được tôn thêm qua các chi tiết miêu tả cảnh chiến trường: “ngồi trên bành voi oai phong凛冽, bệ vệ uy nghi” (Lê Đình Danh, 2010). Ở đây, cách nhìn tĩnh - động đã giúp nhà văn biểu đạt trọn vẹn thân thái của Nguyễn Huệ từ thời trai trẻ cho đến khi trở thành vị anh hùng vang danh thiên hạ. Trong *Nhất thống sơn hà*, ngoại hình của Nguyễn Huệ lại được thể hiện qua thái độ khâm phục của Quang Diệu: “Chàng thanh niên Nguyễn Huệ này còn rất trẻ nhưng khí khái bất phàm, nhất là đôi mắt, thần quang nội liễm mà tia nhìn nhiếp phục lòng người, mỗi gặp mà mình đã thấy bảy phần kính ngưỡng. Con người như thế tất sẽ làm nên đại sự, rất đáng để kết giao” (Vũ Thanh, 2017a). Điểm đáng nói ở đây là cái nhìn từ ngoại quan đã chuyển sang nội quan; từ uy dũng và sức mạnh sang thân thái và khả năng thu phục bá quan thiên hạ. Cũng trong tác phẩm này, Nguyễn Hữu Chính lần đầu diện kiến Nguyễn Huệ đã bị chấn động mạnh bởi tướng mạo phi phàm: “Chính giật nảy người vì tướng cách phi phàm của viên tướng trẻ mà theo ông suy đoán, có lẽ là người vừa đánh tan hai vạn quân Nguyễn ở Phú Yên. Tuy chỉ liếc nhanh qua, nhưng với con mắt của một tay có chí chọc trời khuấy nước như Công Chính, ông ta đã nhận ngay những nét độc đáo, khác người của Nguyễn Huệ. Huệ cũng có khuôn mặt chữ điền, cương nghị, nhưng thêm vào ánh mắt như điện khiến cho cả nét mặt và con người anh ta toát lên một uy vũ vô hình làm khiếp phục người đối diện” (Vũ Thanh, 2017b). Một lần nữa, Vũ Thanh lại tập trung vào thân nhân, là nơi mà khí lực ẩn dấu của cả thân thể được phát lộ nhưng ít nhà văn trước đó chú trọng khai thác... Ở đây, việc miêu tả những đặc điểm cá biệt không chỉ làm nổi bật phẩm chất anh hùng của Nguyễn Huệ mà còn góp phần “định dạng” hình ảnh của ông trong tâm thức độc giả như một con người hội tụ đầy đủ cả võ lẫn văn, vừa là bậc kỳ tài thao lược trên chiến trường, vừa là nhà lãnh đạo có tầm nhìn sâu rộng và khả năng đặc biệt trong thu phục lòng người.

Trong *Hoàng đế Quang Trung*, Nguyễn Thu Hiền lại lựa chọn cho mình một cách tiếp cận có phần khác biệt. Tác giả không xây dựng ngoại hình Nguyễn Huệ như một biểu tượng thuần túy của quyền uy thường thấy mà xem đó chỉ là cánh cửa bước vào thế giới nội tâm và hành trình trưởng thành của nhân vật. Ngay từ những trang đầu, khi còn mang tên Hồ Thom, cậu bé hiện lên với vẻ đẹp của sự hồn nhiên nhưng ẩn chứa dấu hiệu của khí chất phi phàm: “khuôn mặt còn đầy múp mơn mớn măng tơ đã phản phát hào khí mãnh liệt, trông rất linh hoạt mà không đánh mất vẻ đằm thắm lắng sâu trong tư duy” (Nguyễn Thu Hiền, 2010). Nguyễn Thu Hiền đã miêu tả nét mặt bằng cái thân hơn là khuôn thước thường thấy của một kẻ làm tướng trong văn chương truyền thống. Có khi tác giả trao ngôi kẻ cho nhân vật, qua trực giác tinh tế của thầy Cao Hiền, dung mạo khác lạ của Nguyễn Huệ hiện lên trong sự cảm thán tột độ: “tinh hoa đều hội tụ vào một nhân vật có khả năng đảm nhận sứ mệnh lịch sử...” (Nguyễn Thu Hiền, 2010). Khi miêu tả Nguyễn Huệ ở giai đoạn trưởng thành, ngoại hình của ông hiện ra không phải bằng những nét cường điệu như “lưng hùm vai gấu”, “ánh mắt sáng quắc” trong bút pháp sử thi, mà chủ yếu thông qua phong thái và thần sắc: sự bình tĩnh, đôi mắt sắc sảo, dáng đi mạnh

mẽ, đều là những dấu hiệu của hành vi hé lộ nội lực dồi dào của một thủ lĩnh mưu lược... Nghệ thuật miêu tả ngoại hình trong *Hoàng đế Quang Trung* nghiêng về mô thức biểu trưng hóa. Các nét dung mạo không phải là “mô hình hóa” quyền lực, mà là phương tiện cho thấy các tầng sâu của khí chất, trí tuệ và sứ mệnh lịch sử. Nguyễn Thu Hiền không lý tưởng hóa Nguyễn Huệ thành nhân vật “siêu thực” mà dùng ngoại hình như mã nghệ thuật giúp người đọc cảm nhận quá trình hình thành anh hùng từ một đứa trẻ thông minh, giàu nghị lực đến một nhà lãnh đạo quyết đoán, mang trong mình hoài bão thống nhất giang sơn. Cũng nhờ vậy mà hình tượng Nguyễn Huệ trong *Hoàng đế Quang Trung* vừa gần gũi lại vừa toát lên một vẻ đẹp phi thường của bậc anh hùng trong chiều sâu nhân bản. Đây là những tính chất bổ sung có “độ hòa tan” cao trong tiến trình hình thành một điển mẫu mới.

Tóm lại, những phẩm chất mang tính mang tính “công thức” của người anh hùng truyền thống đã được các tác giả tiểu thuyết lịch sử “mềm hóa” bằng những chi tiết hợp với bối cảnh xã hội, tầng lớp xuất thân và chiến công của con người lịch sử Nguyễn Huệ. Việc vượt thoát khỏi khuôn mẫu này được tạo ra từ những thao tác nghệ thuật tinh tế nhằm kiến tạo một sự hài hòa giữa cái cũ và cái mới, qua đó đáp ứng cảm quan thẩm mỹ của người đọc đương đại. Chính xu hướng xử lí linh hoạt ấy đã hình thành nên một đặc điểm thi pháp đáng chú ý của văn xuôi lịch sử sau 1986, khi các nhà văn từng bước hướng tới việc xác lập một điển mẫu mới về ngoại hình của hình tượng anh hùng lịch sử.

3.2. Những biến đổi về cấu trúc điển mẫu của hình tượng Nguyễn Huệ qua tiêu điểm tính cách

3.2.1. Qua hành động, ứng xử

Những biến đổi về cấu trúc điển mẫu của hình tượng Nguyễn Huệ trước hết được thể hiện qua hành động, ứng xử. Trong *Sông Côn mùa lũ*, Nguyễn Mộng Giác đã xây dựng hình tượng Nguyễn Huệ với nhiều vai trò khác nhau: một người em, người học trò, người bạn, người chồng. Ở vị thế nào, ông cũng được miêu tả là người chân tình, thủy chung và giàu lòng bao dung. Nguyễn Huệ xem gia đình thầy như ruột thịt, gắn bó bằng cả tấm lòng tri ân và đạo nghĩa. Ngay với Chính, đứa con từng phản bội thầy, Huệ đã ra sức cứu vớt, gột rửa nỗi nhục và trả lại cho Chính một danh dự tối thiểu để giữ trọn ơn thầy. Ngay cả khi do bất đồng quan điểm, Nguyễn Huệ vẫn giữ gìn lễ nghĩa, chăm sóc chu đáo khi thầy lâm bệnh nặng. Ngày thầy ra đi, Nguyễn Huệ đã bất chấp tất cả, khoác áo bào còn lấm bụi sa trường đến quỳ lạy và thấp nén nhang đưa “ông thầy thân yêu quốc thước ngày xưa” về nơi an nghỉ với lòng thành kính và sự biết ơn sâu sắc. Giữa lúc mọi người xa lánh vì sợ liên lụy, “hình ảnh viên tướng trẻ quần áo còn bám đầy bụi đường gục mặt bên xác thầy, đôi vai run run trong cơn khóc lặng lẽ” (Nguyễn Mộng Giác, 2003b). Trong đám tang của một con người đáng kính nhưng bất đồng chính kiến với đường lối của anh em nhà Tây Sơn, một tiếng gọi “thầy” rất đỗi thiêng liêng vượt lên trên tất cả mọi giới hạn của danh lợi và mối nguy bị suy diễn. Cảnh người dân ở phủ Quy Nhơn chứng kiến “bước chậm sau lưng các con cháu người đã khuất còn có một vị tướng trẻ tuổi khuôn mặt quốc thước, có đôi mắt buồn” là cả một sự lạ lùng hiếm thấy và “chỉ một số rất ít người biết vị tướng trẻ đó là Nguyễn Huệ” (Nguyễn Mộng Giác, 2003b). Việc bất chấp tất cả để làm trọn đạo nghĩa thầy trò đã chứng tỏ Nguyễn Huệ không hề run sợ trước những hệ quả rất nghiêm trọng có thể giáng xuống đầu bất cứ lúc nào. Cũng trong *Sông Côn mùa lũ*, Nguyễn Mộng Giác còn miêu tả mối tình giữa An và Huệ sâu đậm nhưng thầm lặng, không bắt đầu, không kết thúc nhưng hấp dẫn người đọc, thấp sáng cho họ niềm tin để đi hết “mùa lũ” Sông Côn. Cũng chính từ mối tình này, tác giả đã khắc

họa được một khía cạnh rất lớn trong con người anh hùng này. Tác giả đã làm cho người đọc tin rằng, vị vua áo vải với ánh hào quang rực rỡ cũng từng có một mối tình đầu trong sáng và thuần khiết như thế, cũng từng phải đau đớn dằn vặt lựa chọn giữa người mình yêu và trọng trách. Đối với An, Nguyễn Huệ luôn dành sự ân cần, dịu dàng và chia sẻ những nỗi âu lo một cách chân thành nhất. Trước mọi biến cố hay hoạn nạn, An đều thầm nghĩ đến Nguyễn Huệ, chờ đợi và tin tưởng điều gì đó vô hình mà chính An cũng chưa bao giờ dám thừa nhận. Những tình cảm, kỷ niệm của Huệ về một mối tình “chưa kịp bắt đầu” mà chỉ vừa chớm nở trong quá khứ đã trở thành những điều đẹp nhất, trân quý nhất trong ký ức của vị tướng tài ba. Đây cũng là những chi tiết nghệ thuật được đánh giá rất cao của *Sông Côn mùa lũ*. Mạch tình thái được đẩy lên cao khi nhà văn đặt Nguyễn Huệ vào một tình thế mới, thời điểm sau khi Bắc tiến tiêu diệt hoàn toàn thế lực chúa Trịnh, Nguyễn Huệ được vua Lê Hiển Tông gả con gái là Ngọc Hân công chúa. Trước vẻ đẹp dịu dàng và thanh lịch của người con gái Bắc Hà, Nguyễn Huệ dù có “cái nhìn đam mê đến cuồng nhiệt” đã làm cho “công chúa choáng váng”, nhưng ông vẫn không quên được hình bóng An. “Chiếc cổ cao và trắng muốt yếu đuối” (Nguyễn Mộng Giác, 2003c) mà Nguyễn Huệ đã nhìn thấy ở Ngọc Hân trong đêm hợp cẩn cũng tựa như hình bóng của người con gái An Thái năm xưa... Chi tiết đặc tả tâm trạng này đã cho độc giả một góc nhìn còn khuyết thiếu về hình tượng người anh hùng áo vải. Cái nhìn đó không những không mâu thuẫn với các thuộc tính của điển mẫu truyền thống mà còn làm cho nhân vật trở nên chân thực hơn, lãng mạn và hấp dẫn hơn.

Nếu *Sông Côn mùa lũ* có phần nặng về yếu tố đạo nghĩa và cảm xúc, thì *Tây Sơn bi hùng truyện* của Lê Đình Danh lại tập trung mở rộng điển mẫu anh hùng ở hành động và năng lực làm chủ tình thế. Trong tác phẩm này, Nguyễn Huệ hiện ra với những hành động trực tiếp có sức lan tỏa mạnh mẽ. Trước cây sơn núi có nhựa độc không ai dám đụng đến, Nguyễn Huệ “chẳng nói chẳng rằng xắn tay áo, rùn chân xuống tán ôm lấy thân cây, hét lên một tiếng nhỏ bật cả gốc rễ, buông tay ra cây đã đổ ầm xuống đất. Ba quân vỗ tay hoan hô như sấm” (Lê Đình Danh, 2010). Hành động ấy xua tan sự e dè, do dự trong quân sĩ. Hay khi Nguyễn Huệ thi triển đao pháp khiến các tướng dưới trướng còn chút nghi ngại phải hoàn toàn thần phục: “cầm đao lên múa vùn vụt, ánh thép loang loáng hơi gió lạnh người. Múa xong bài đao mà sắc mặt không hề thay đổi”, khiến Võ Đình Tú “sụp lạy: “Tướng quân thật là thần nhân. Tôi nguyện đem chút tài mọn cùng tướng quân định quốc an dân” (Lê Đình Danh, 2010). Uy tín của người thủ lĩnh vì thế không cần áp đặt, mà được biểu hiện từ sự thừa nhận tự giác của người khác. Bên cạnh sức mạnh cá nhân, tác phẩm còn bổ sung cho điển mẫu anh hùng phẩm chất tư duy sáng tạo qua việc Nguyễn Huệ tự chế binh khí “hỏa hổ”, thứ vũ khí có khả năng “một quân ta có thể đánh được mười quân địch” (Lê Đình Danh, 2010). Đặc biệt, khi quân Nguyễn triều thua chạy, Nguyễn Huệ ra lệnh “không được đuổi theo” và khẳng định: “Giữa trận chiến phải hết lòng giết giặc để giành chiến thắng, giữ mạng sống cho mình ấy là điều tự nhiên của lẽ sinh tồn. Nhưng nếu thế không bị buộc thì đừng nên sát hại sinh linh” (Lê Đình Danh, 2010). Suy nghĩ này cho thấy một Nguyễn Huệ biết tiết chế bạo lực, coi chuyện binh đao là việc bất đắc dĩ.

Trong *Hoàng đế Quang Trung*, Nguyễn Thu Hiền cũng tìm thấy những phẩm chất rất riêng của người anh hùng áo vải. Trong lễ nhận kiếm vua ban, ông đã thề rằng: “Dù phải tan xương nát thịt, Nguyễn Huệ cũng nguyện với thanh gươm này báo ơn vua, đền nợ nước!” (Nguyễn Thu Hiền, 2010). Sau chiến thắng, mệnh lệnh “không được xê dịch bất cứ hiện vật nào trong cung vua phủ chúa, chờ lệnh mới!” (Nguyễn Thu Hiền, 2010) của Nguyễn Huệ thể hiện tầm cao của ý thức về một đạo quân chính nghĩa. Nhờ vậy, kỷ

cương ba quân được xác lập. Qua những điểm nhấn của tác phẩm, Nguyễn Thu Hiền đã góp phần hoàn chỉnh thêm hình tượng Nguyễn Huệ như một mẫu anh hùng không chỉ giỏi chiến trận mà còn nhìn thấu cả đại cục và con đường dân tộc cần đi.

3.2.2. Qua đối thoại

Bên cạnh tiêu điểm hành động, ứng xử, những tính chất bổ sung cho điển mẫu mới về người anh hùng qua hình tượng Nguyễn Huệ còn được thể hiện qua các cuộc thoại. Đối thoại trong truyện không chỉ là hành động nói năng mà còn là kênh bộc lộ trực tiếp tư tưởng, tính cách và tầm nhìn của nhân vật. Ngôn ngữ đối thoại thường được nhà văn tổ chức như một tiêu điểm đặc biệt để bổ sung vào điển mẫu những phẩm chất mà lớp ngôn từ kể, tả ngôi thứ ba không thể làm được. Từng lời nói vừa phản ánh bối cảnh hiện thực, vừa kết tinh những phẩm chất bên trong rất khó phát lộ một cách đầy đủ và sâu sắc của người anh hùng xuất thế. Qua từng lời đáp, từng câu hỏi, từng mệnh lệnh hay chiếu dụ, Nguyễn Huệ hiện lên như một chủ thể có suy nghĩ độc lập, có khả năng thu phục nhân tâm và đặt vấn đề buộc người khác phải thức tỉnh. Chính vì thế, đối thoại trở thành phương tiện nghệ thuật góp phần quan trọng kiến tạo những tính chất bổ sung cho điển mẫu.

Các cuộc thoại được xây dựng đề hướng vào những mục đích khác nhau trong biểu đạt hình tượng. Trước hết đối thoại khắc họa tư duy độc lập và năng lực phản biện sắc sảo. Trong *Sông Côn mùa lũ*, Nguyễn Mộng Giác xây dựng nhiều cuộc trò chuyện giữa Nguyễn Huệ với thầy Trương Văn Hiến dưới hình thức đối thoại triết lý, nơi nhân vật không tiếp nhận đạo lý như một mệnh đề có sẵn mà liên tục đặt câu hỏi, đưa ra giả định và tự rút ra kết luận. Khi bàn về “hiệp”, Nguyễn Huệ không thỏa mãn với cách hiểu có phần khuôn sáo của thầy: “...Phải rộng rãi để giúp người mà không so đo hơn thiệt. Nếu cần, dám quên mình mà giúp người” (Nguyễn Mộng Giác, 2003a). Từ câu trả lời ấy, Nguyễn Huệ đã đưa khái niệm ấy đặt vào các tình huống cụ thể qua một loạt câu hỏi: “Quên cả sống chết xông vào cứu một thằng ăn cướp ngay ban ngày, giữa chợ, có phải là hiệp không, thưa thầy?”; “Nhảy xuống sông cứu một người sắp chết đuối dù không biết bơi, đã được gọi là hiệp chưa?” (Nguyễn Mộng Giác, 2003a) và rồi tự tìm cho mình câu trả lời xác đáng: nghĩa hiệp đơn giản là ra tay cứu giúp kẻ yếu nếu biết hành động đó chắc chắn cần thiết và thành công. Những lời đối đáp đầy lý lẽ chặt chẽ của cậu bé mười lăm tuổi khiến ông giáo Hiến vô cùng kinh ngạc. Màn đối thoại này được nhà văn xây dựng như một cuộc “luận anh hùng”. Một lần khác, khi bàn về cái đối, ông giáo Hiến nêu quan điểm truyền thống: “Đối cho sạch, rách cho thơm” hay “Quân tử thực vô cầu bão”, Nguyễn Huệ thẳng thắn phản biện: “Như vậy con nghĩ thầy chưa thực đối” (Nguyễn Mộng Giác, 2003a). Khi thầy tỏ vẻ ngạc nhiên, Huệ tiếp lời một cách sâu sắc và bất ngờ: “Con đã nghĩ: Những lời thầy dạy con rút ra từ sách thánh hiền, đều do những kẻ no đặt ra cả” (Nguyễn Mộng Giác, 2003a)... Ông giáo Hiến dần nhận ra rằng học trò của mình đã thấu hiểu bản chất của những đạo lý vốn được tôn thờ một cách máy móc bao đời nay. Đến khi phong trào Tây Sơn chuẩn bị khởi nghĩa, Nguyễn Huệ tiếp tục đến tìm thầy để đặt ra một loạt câu hỏi về thời cuộc: “Chúng ta muốn gì?”; “Giả sử mình đánh bại quân triều, đuổi hết được lũ chức sắc đi, lúc đó mình làm gì nữa? Lại dùng giáo mác đó dí vào lưng vào cổ dân đen để bắt nộp thuế à?” (Nguyễn Mộng Giác, 2003a). Đây là những suy tư được nhà văn hư cấu từ các chính sách cải cách tiến bộ thời Quang Trung, đó là một tư tưởng nhân văn cao cả vượt thời đại. Lời đàm luận đó cũng là sự gửi gắm khát vọng về những cải cách chính trị tiến bộ để chấn hưng đất nước. Trong một lần tranh luận khác về vấn đề giữ gìn Nho giáo, Nguyễn Huệ biện giải rằng, chữ “trung” không phải một chiều, vua không lo nỗi cho dân thì rường cột tự nó sẽ đổ: “Đến một lúc nào đó, tình thế đẩy họ vào đường cùng, họ không sợ hãi nữa mà hóa liêu” (Nguyễn Mộng Giác, 2003a). Những

lời này thể hiện cái nhìn thấu triệt của Nguyễn Huệ về đạo trị quốc an dân không phải bằng giáo lý mà bằng hành động, lấy việc chăm lo cho dân thoát khỏi đói rét làm gốc rễ. Khi bàn về “hậu chiến”, Nguyễn Huệ nhận định rõ ràng: “Khó nhất, chậm nhất, gay go nguy hiểm nhất là cuộc đào thải bọn cơ hội. Chúng nó là con tắc kè thay màu nhanh chóng, khó lòng biết đâu là người thiện chí đâu là tên cơ hội” (Nguyễn Mộng Giác, 2003a). Hay khi Nhạc giễu cợt giới nho sĩ, ám chỉ cả thầy giáo Hiến, Huệ lập tức phản bác: “Chỉ vì lâu nay chúng ta nghĩ thế nên kẻ sĩ mới bỏ ta mà đi” (Nguyễn Mộng Giác, 2003b)... Các màn đối thoại ở đây không phải là “thuật kẻ” về một Nguyễn Huệ thông minh, mà cho thấy, trí tuệ ấy đang “vận hành” trong từng lời nói với sự nghi ngờ, chất vấn và “quy chiếu” vào thực tế vô cùng phức tạp của đời sống. Từ cách suy tư phản tỉnh này, nhân vật được định hình như một “dị biệt” tích cực, có xu hướng vượt khỏi khuôn mẫu giáo điều để hướng tới chân lý sống động hiện sinh. Đặc biệt, nhiều đoạn thoại còn nhấn mạnh tài năng thiên phú gắn với ý thức dân tộc. Khi nghe thầy giảng sử, Nguyễn Huệ đặt câu hỏi thẳng thắn về việc học: “Tại sao ta không học sử nước mình mà lại tụng lầu lầu Bắc sử? Tại sao không học chữ nước mình? Cái loại chữ thường gọi là "chữ ta", thừa thầy, thật ra đâu phải là chữ ta. Đọc lên phải diễn nghĩa ta mới hiểu, đâu được rõ ràng như mình nói "hột muối, lá trâu, con cá, cây măng" (Nguyễn Mộng Giác, 2003a). Lời đối đáp vừa mang vẻ hồn nhiên của tuổi trẻ, vừa bộc lộ một trực giác chính trị quan trọng: ý thức về căn tính văn hóa và nhu cầu tự chủ tri thức. Ở điểm này, đối thoại đóng vai trò như “chỉ dấu” sớm của phẩm chất điển mẫu mới: anh hùng không chỉ mạnh ở gươm giáo, mà trước hết nằm ở năng lực nhìn ra vấn đề cốt lõi của đại cuộc cần giải quyết.

Thứ hai, ngôn ngữ đối thoại của Nguyễn Huệ khi trưởng thành được khắc họa với sắc thái chính luận và năng lực kiến tạo trật tự cộng đồng, làm nổi bật phẩm chất của một “lãnh tụ hiện đại”. Trong *Sông Côn mùa lũ*, sau chiến thắng, lời chiếu của Nguyễn Huệ ngắn gọn mà quyết liệt: “Kẻ đồ mồ hôi trên luống cày phải có bát cơm ăn, kẻ du thủ du thực... phải bị quét sạch” (Nguyễn Mộng Giác, 2003c). Cấu trúc câu dứt khoát, nhịp điệu nhanh, mạnh, tư tưởng nhân văn hiện đại “lấy dân làm gốc” được “cụ thể hóa” lên căn cơ trong phát ngôn như một nguyên tắc trị quốc. Tương tự, trong *Gió lửa* của Nam Dao, Nguyễn Huệ cũng tự xác định tâm vóc lịch sử bằng tuyên bố: “Không phải chỉ lập một triều đại mới, mà là mở ra một kỷ nguyên mới” (Nam Dao, 1999). Đây không còn là lời của một võ tướng, mà là lời của một chủ thể ý thức rõ vai trò thời đại, biến phát ngôn thành cam kết cải tạo hiện thực, một cam kết thể hiện sự thấu triệt tiến trình lịch sử - xã hội. Ở đây, các đoạn thoại mang thông điệp của những chiếu dụ đã bổ sung vào hình tượng anh hùng ở bình diện tư tưởng: anh hùng không chỉ chiến thắng, mà còn biết chuyển hóa chiến thắng thành chương trình chính trị và niềm tin xã hội.

Thứ ba, trong nhiều tiêu thuyết lịch sử, lời thoại của Nguyễn Huệ thường mang tính hiệu triệu và sức mạnh quy tụ cộng đồng. Trong *Hoàng đế Quang Trung*, tiếng gọi “Mau lên nào, anh em ơi! Hãy xuống núi quét sạch phường phản dân, hại nước” (Nguyễn Thu Hiền, 2010) tạo cảm giác lời nói có lực đẩy hành động tập thể. Trong *Thế trận Linh Xà*, câu hỏi tự vấn: “Nguyễn Huệ là danh táng của ta?” (Trần Hạ Tháp, 2003) lại nghiêng về xác lập chính danh và bản ngã lịch sử, như một cách tuyên thệ, tự định vị giữa ranh giới chính - tà, nhân nghĩa - danh lợi. Trong cả hai trường hợp, đối thoại không chỉ “miêu tả” nhân vật mà thể hiện khí phách của người nói: lời nói vang lên như mệnh lệnh của lịch sử, vừa thuyết phục, vừa cảm hóa lòng người... Trong *Tây Sơn bi hùng truyện*, Lê Đình Danh xây dựng hệ thống đối thoại trực tiếp giàu tính biểu tượng để nhấn mạnh trí tuệ ứng xử điển phạm của Nguyễn Huệ. Với Vũ Văn Nhậm, Huệ nhắc bằng ngôn ngữ súc tích,

hàm chứa triết lý binh gia: “Biết người biết ta trăm trận trăm thắng. Chưa rõ tình địch đừng nên khinh địch mà tổn thất ba quân” (Lê Đình Danh, 2010). Với Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ không tranh biện vòng vo mà đặt danh dự cá nhân gắn với trách nhiệm cao cả: “Nếu không bình được đất Gia Định... Huệ tôi thề quyết không về” (Lê Đình Danh, 2010). Với Huỳnh Đức, Huệ vận dụng điển tích để đánh trúng tâm lý trung nghĩa, đồng thời khẳng định uy thế: “Một lời đã nói, bốn ngựa khó theo... Ta lại không bằng Tào Mạnh Đức ngày xưa sao?” (Lê Đình Danh, 2010). Cả ba tình huống thoại cho thấy một phong cách phát ngôn nhất quán: ngắn gọn, sắc như nhữnng nhát cắt ngọt, đúng trọng tâm, kết hợp lý trí với đạo lý và nghệ thuật thuyết phục lòng người. Đây chính là phẩm chất lời nói thể hiện năng lực đặc biệt của con người toàn năng, vừa sắc sảo về trí tuệ, vừa có phong cách riêng của một người làm tướng không lẫn vào bất cứ ai. Các phẩm chất ấy trở thành khuôn mẫu mới cho việc xây dựng hình tượng nhân vật anh hùng thời hiện đại. Đây là điểm hiếm thấy trong các tác phẩm viết về người anh hùng trong các giai đoạn văn học trước đó.

Thứ tư, Nguyễn Huệ vẫn được công nhận là con người có tầm vóc tư tưởng ngay cả trong *Phẩm tiết* của Nguyễn Huy Thiệp, nơi nhân vật lịch sử cơ bản được soi chiếu từ góc độ “giải thiêng”. Khi trao đổi với giới thương nhân, ông phát biểu mạch lạc về việc dùng người thời chiến và thời bình, coi trí lực và nguồn lực xã hội là nền tảng kiến thiết: “Ta xuất thân áo vải... Thời chiến ta lấy kẻ có sức lực làm điểm tựa, thời bình ta lấy kẻ có trí lực làm điểm tựa... xin các ông vì ta mà mở mang công nghệ, buôn bán, làm cho nước giàu dân mạnh” (Nguyễn Huy Thiệp, 2003). Giọng điệu đối thoại mang vẻ triết lí mà Nguyễn Huy Thiệp ưa dùng rất hợp với tính cách Nguyễn Huệ được ghi trong sử sách. Vì thế, lời nói không thuần mệnh lệnh mà mang tính đối thoại, kêu gọi cộng tác, khích lệ tự nguyện. Điều đó cho thấy phẩm chất của anh hùng không chỉ nằm ở quyết đoán, mà còn ở khả năng thuyết phục người khác qua nghệ thuật nói năng xứng với vai trò người đứng đầu quốc gia.

Từ một số biểu hiện ở trên, có thể thấy rằng, trong hệ thống tiểu thuyết lịch sử Việt Nam đương đại, đối thoại là “trực biểu hiện” quan trọng để kiến tạo các thuộc tính bổ sung làm thay đổi cấu trúc điển mẫu của hình tượng anh hùng. Ở đây, những lời nói của nhân vật thường mang nhịp điệu dứt khoát, lập luận sắc sảo, có lý có tình; có khi là hiệu triệu, có khi là răn dạy, thuyết phục. Nhờ vậy, đối thoại không còn là phương tiện truyền đạt thông tin, mà trở thành nơi hội tụ những tinh hoa của tư tưởng, khí phách và trí tuệ. Chính qua những lời nói ấy, người đọc nhận ra một Nguyễn Huệ mà tài năng phát lộ ngay trong từng hành động nói năng.

4. Kết luận

Có thể khẳng định rằng, việc bổ sung và làm mới điển mẫu là một quy luật tất yếu của sáng tác nghệ thuật. Trong văn xuôi viết về đề tài lịch, để đạt tới thành công, người cầm bút không thể dừng lại ở việc lặp lại những khuôn mẫu đã được xác lập trong quá khứ mà cần vượt thoát khỏi “cái bóng” của nó để kiến tạo nên những cách nhìn mới, giàu sức gợi hơn. Khi cấu trúc điển mẫu đạt tới độ bão hòa, đòi hỏi khách quan buộc văn chương phải vượt qua những đỉnh cao cũ để mở ra những chiều kích mới. Vì vậy, điển mẫu trong nghệ thuật văn chương thực chất là một quá trình “đối thoại” không ngừng với lịch sử và quá khứ nhằm chuyển hóa các giá trị truyền thống thành những trải nghiệm mang ý nghĩa hiện sinh bằng nghệ thuật.

Trong dòng chảy ấy, hình tượng Nguyễn Huệ đã được tái kiến tạo trên những tiêu điểm nghệ thuật đặc thù, qua đó làm phát lộ thêm nhiều phương diện giá trị của một con người lịch sử. Nếu trong chính sử, Nguyễn Huệ hiện lên với tướng mạo phi thường, tài năng thao lược và khí phách anh hùng vượt trội, thì trong văn chương, người đọc còn bắt gặp một Nguyễn Huệ “dị tướng”, bình dị, giàu cảm xúc và mang vẻ đẹp lãng mạn. Bên cạnh đó, tính cách của Nguyễn Huệ cũng không còn mang vẻ đẹp “khuôn vàng thước ngọc” nữa mà đã được các nhà văn tô đậm thêm những phẩm chất cá biệt. Tất cả những phẩm chất có tính “bổ sung” ấy đã làm nên hình tượng người anh hùng áo vải bước ra từ đời sống dân gian để thực hiện những sứ mệnh thay đổi lớn lao mang tính bước ngoặt của lịch sử dân tộc. Từ những biểu hiện đó, có thể thấy rằng, phương thức “tái cấu trúc” để tạo ra điển mẫu mới đang trở thành một xu hướng sáng tác đáng chú ý của văn xuôi Việt Nam hiện đại khi tiếp cận các nhân vật lịch sử, đặc biệt là các nhân vật anh hùng.

Lời cảm ơn

Bài báo này là sản phẩm của đề tài nghiên cứu mã số CSB.2025.B3.039 được tài trợ bởi Trường Đại học Sài Gòn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Thị Thu Thủy (2019). Sự thật và hư cấu trong tiểu thuyết lịch sử nhìn từ hình tượng nhân vật hoàng đế Quang Trung - Nguyễn Huệ trong hai tác phẩm: *Sông Côn mùa lũ* (Nguyễn Mộng Giác) và *Gió lửa* (Nam Dao). *Tap chí Nghiên cứu Văn hóa*, 30 (12), 73-81.
- [2] Lê Đình Danh (2010). *Tây Sơn bi hùng truyện*. NXB Văn học.
- [3] Lakoff, George and Johnson, Mark (1980), *Metaphors we Live by*. Chicago: University of Chicago Press.
- [4] Langacker, Ronald W (1990), *Concept, Image, and Symbol. The Cognitive Basis of Grammar*. Berlin: Mouton de Gruyter.
- [5] Nam Dao (1999) *Gió lửa*. NXB Người Việt Books.
- [6] Nguyễn Mộng Giác (2003a). *Sông Côn mùa lũ*. NXB Văn học.
- [7] Nguyễn Mộng Giác (2003b). *Sông Côn mùa lũ*. NXB Văn học.
- [8] Nguyễn Mộng Giác (2003c). *Sông Côn mùa lũ*. NXB Văn học.
- [9] Nguyễn Thu Hiền (2010). *Hoàng đế Quang Trung*. NXB Văn hóa - Văn nghệ.
- [10] Nguyễn Huy Thiệp (2005). *Truyện ngắn Nguyễn Huy Thiệp*. NXB Hội Nhà văn.
- [11] Rosch, E., & Mervis, C. B (1975). *Family Resemblances: Studies in the Internal Structure of Categories*. *Cognitive Psychology*, 7(4), 573–605.
- [12] Trần Văn Cơ (2006). *Ngôn ngữ học tri nhận* (Ghi chép và suy nghĩ). NXB Khoa học Xã hội.
- [13] Trần Vũ (2014). *Mùa mưa gai sắc*. <http://tranvu.free.fr/baiviet/index.html>.
- [14] Trần Hữu Thục (2012). *Nhân vật Nguyễn Huệ trong Sông Côn mùa lũ của Nguyễn Mộng Giác*. <https://nguyenmonggiac.com/nhan-vat-nguyen-hue-trong-song-con-mua-lu-cua-nguyen-mong-giac>, ngày truy cập 19/12/2025.
- [15] Vũ Thanh (2014a). *Nhất thống sơn hà*. NXB Hội Nhà văn.
- [16] Vũ Thanh (2014b). *Nhất thống sơn hà*. NXB Hội Nhà văn.